TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2018/HNGĐ - ST
Ngày 16 tháng 5 năm 2018
V/v: " Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH BẮC GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Công Hoan;

Các Hội thẩm nhân dân: 1 - Ông Nguyễn Ngọc Trứ;

2 - Ông Nguyễn Xuân Hoàng;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Ngô Thanh Thuần – Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018; Về việc "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST - DS ngày 17 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa:

+ *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị S - Sinh năm 1988 (Có mặt);

- Nơi ĐKHKTT: Thôn Ch, xã L P, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

- Địa chỉ hiện nay: Thôn Đ, xã L P, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

+ *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1985(Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Ch, xã L P, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và đơn khởi kiện ngày 29 tháng 01 năm 2018 và ngày 26 tháng 02 năm 2018, bản tự khai ngày 01/3/2018 và biên bản hòa giải ngày 27/3/2018 tại Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang (BL 01; 02; 03; 04; 23; 36), chị Nguyễn Thị S trình bày:

1- Về quan hệ Hôn nhân:

Chị và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn, theo chứng nhận kết hôn số 140, quyển số 01 vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 tại Uỷ ban nhân dân xã L P, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn Chị về chung sống cùng anh T được khoảng 08 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi nhau, nguyên

nhân do anh T ham chơi cờ bạc, về nhà anh T thường hay đánh chửi Chị và đập phá tài sản của vợ chồng, Chị đã nhiều lần tạo cơ hội cho anh T sửa chữa, nhưng anh T không thay đổi. Tháng 09/2017 Chị đã bỏ về chung sống cùng mẹ đẻ, kể từ đó cho đến nay, thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, Chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 3 năm 2018, biên bản hòa giải ngày 27 tháng 3 năm 2018 (BL 24; 36). Anh Nguyễn Văn T có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S về quan hệ hôn nhân như sau:

Anh và chị Nguyễn Thị S có đăng ký kết hôn như chị S đã khai ở trên là đúng. Sau khi tổ chức cưới, chị S về sinh sống cùng Anh, tình cảm vợ chồng sinh sống hạnh phúc thời gian đầu, do tuổi còn trẻ, nên Anh mải chơi cờ bạc không quan tâm gì đến vợ con, chị S tham gia góp ý nhưng Anh không nghe, do vậy vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi nhau. Chị S đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ ngày 24/10/2017 cho đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, Anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị S.

Về con chung: Chị S, anh T đều xác nhận có 03 con chung là: Nguyễn Thanh X - sinh ngày 23/9/2008; Nguyễn Thị Hải Y - sinh ngày 28/01/2011 và Nguyễn Mạnh T - sinh ngày 05/9/2013, hiện nay 02 con chung là: Thanh X và Hải Y đang sinh sống cùng anh T, con chung Mạnh T đang sinh sống cùng chị S. Ly hôn chị S, anh T đều có nguyện vọng xin được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu bên kia đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng.

Tại bản tự khai ngày 13/3/2018 cháu Nguyễn Thanh X trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, Cháu có nguyện vọng được sinh sống cùng bố là anh Nguyễn Văn T.

Cháu Nguyễn Thị Hải Y có nguyện vọng được sinh sống cùng mẹ là chị Nguyễn Thị S.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị S và anh T đều xác nhận không có, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự, nhưng chị S và anh T không thỏa thuận về đoàn tụ gia đình được, không thỏa thuận được việc thuận tình ly hôn và không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị S vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Ly hôn Chị có ý kiến xin được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 03 con chung là: Nguyễn Thanh X; Nguyễn Thị Hải Y; Nguyễn Mạnh T. Chị không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng Chị.

Do bị đơn là anh T vắng mặt tại phiên tòa, nên các đương sự không có ý kiến để thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án được.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án và phát biểu về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiếp tục tiến hành xét xử.

+ Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi vợ chồng chung sống cùng nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T mải chơi cờ bạc, không quan tâm gì đến chị S cùng các con, vợ chồng thường xuyên sảy ra đánh, cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên, kéo dài. Vì vậy chị S đã phải bỏ về sinh sống cùng mẹ đẻ từ ngày 24 tháng 10 năm 2017 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, do vậy mục đích hôn nhân giữa chị S và anh T không đạt được. Chị S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, cũng như lời khai có trong hồ sơ vụ án. Ý kiến của chính quyền địa phương và Hội phụ nữ nơi chị S và anh T sinh sống, thì vợ chồng chị S, anh T chung sống hạnh phúc một thời gian dài, trong cuộc sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T ham chơi cờ bạc, hay mang tài sản của vợ chồng cũng như của gia đình đi cầm cố để có tiền chơi cờ bạc, anh T không chịu làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con, vợ chồng thường xuyên sảy ra đánh, cãi nhau, chị S đã bỏ về sinh sống cùng mẹ đẻ từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S, anh T thường xuyên và trầm trọng. Mục đích hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn T không đạt được. Chị S và anh T đã sống ly thân một thời gian dài, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng vợ chồng không thỏa thuận được việc về đoàn tụ. Chị S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T và giải quyết con chung.

Anh Nguyễn Văn T cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, Anh không đồng ý ly hôn chị Nguyễn Thị S, nhưng anh T không đưa ra được căn cứ để chứng minh tình cảm vợ chồng vẫn còn và vẫn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân của vợ chồng vẫn đạt được.

Vì vậy việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn của chị Nguyễn Thị S với anh Nguyễn Văn T là phù hợp với qui định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu này của chị Nguyễn Thị S.

+ Về con chung: Chị S và anh T có 03 con chung là: Nguyễn Thanh X - sinh ngày 23/9/2008; Nguyễn Thị Hải Y - sinh ngày 28/01/2011 và Nguyễn Mạnh T - sinh ngày 05/9/2013, hiện nay 02 con chung là Thanh X và Hải Y đang sinh sống cùng anh T, con chung Mạnh T đang sinh sống cùng chị S. Ly hôn chị S, anh T đều có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 03 con chung và không bên nào có yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét về điều kiện nuôi con, cả chị S, anh T đều có điều kiện về chỗ ở, do sinh sống cùng bố mẹ; Anh T làm thợ mộc và đi làm thuê, thu nhập không ổn định như chị S, do chị S đang làm công nhân tại Công ty may Hà Phong, có thu nhập ổn định hàng tháng từ 7.000.000đồng đến 8.500.000đồng (Có phiếu thanh toán lương của chỉ S gửi cho Tòa án), Công ty cũng gần nhà mẹ đẻ nơi Chị đang sinh sống, chị S đang sinh sống cùng

mẹ đẻ, có nhà cửa, mẹ chị S có thời gian trông nom con giúp để Chị đi làm. Anh T thu nhập không ổn định và vẫn mải chơi cờ bạc, thời gian giành chăm sóc cho con sẽ không được như chị S. Vì vậy căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và có xem xét nguyện vọng của con chung đã đủ 07 tuổi trở nên. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các đương sự. Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Hải Y; Nguyễn Tiến M cho chị S trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Giao 01 con chung là Nguyễn Thanh X cho anh T để chị S, anh T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con. Chị S, anh T đều nuôi dưỡng con chung. Mặc dù nuôi 02 con chung, nhưng chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng Chị, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng Chị.

Anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị S đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên sau ly hôn là phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị S, anh T đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Chị S không có yêu cầu về trích chia công sức trong thời gian chung sống cùng bố mẹ anh T, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu toàn bộ án phí về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại Khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án mà Kiểm sát viên có ý kiến: Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và đảm bảo đúng qui định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

+ □p dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1,3 Điều 82; Khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 146; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2 - Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị S trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là: Nguyễn Thị Hải Y; Nguyễn Tiến M; Giao cho anh T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Thanh X. Chị S, anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Trường hợp sau này người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, có yêu cầu về thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, khi có yêu cầu thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

Anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị S đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, chị S, anh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T, chị S thực hiện quyền này.

3 - Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn T đều xác nhận không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

4 - Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu toàn bộ án phí về Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), mà chị S đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0001404 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Chị S đã nộp đủ tiền án phí về Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án , hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a, 7 b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Những ng- ời tham gia tố tụng;
- UBND xã L P;
- L- u hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Công Hoan